

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 681/QĐ-BNNMT ngày 08/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện mục tiêu tăng trưởng Ngành Nông nghiệp và Môi trường và tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Triển khai Quyết định số 681/QĐ-BNNMT ngày 08/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện mục tiêu tăng trưởng Ngành Nông nghiệp và Môi trường và tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2025 (sau đây viết tắt là Quyết định số 681/QĐ-BNNMT ngày 08/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường); UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện như sau:

I. QUAN ĐIỂM

- Thống nhất từ tư duy đến hành động của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, địa phương và toàn ngành Nông nghiệp và Môi trường, cùng nỗ lực, quyết tâm thực hiện đồng bộ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp để bảo đảm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng ngành Nông nghiệp và Môi trường và tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản (NLTS) năm 2025 đã được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh giao.

- Bám sát và thực hiện đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển ngành Nông nghiệp và Môi trường trong các nghị quyết, chiến lược, quy hoạch ngành cấp tỉnh, các kế hoạch, chương trình, đề án lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng phải bảo đảm hài hòa cả phía cầu và phía cung, coi trọng nâng cao chất lượng, giá trị đi đôi với gia tăng năng suất, sản lượng tương tích, phù hợp trong tất cả các sản phẩm nông nghiệp.

- Trong tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn; kiên định về mục tiêu, linh hoạt về giải pháp; bám sát tình hình thực tiễn, phản ứng chính nhanh nhạy, kịp thời, hiệu quả; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, kịp thời phát hiện và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, khơi thông các điểm nghẽn, giải phóng mọi nguồn lực cho phát triển để đạt được các mục tiêu đề ra.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Kịp thời triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 681/QĐ-BNNMT ngày 08/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện mục tiêu tăng trưởng Ngành Nông nghiệp và Môi trường và tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2025.

- Tăng cường vai trò trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong công tác thực hiện mục tiêu tăng trưởng Ngành Nông nghiệp và Môi trường và tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

III. MỤC TIÊU

- Tốc độ tăng trưởng năm 2025: Phần đầu giá trị gia tăng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4,9% trở lên.
- Tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS năm 2025 đạt 750 triệu USD, phần đầu đạt 770 triệu USD.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới trong toàn Ngành Nông nghiệp và Môi trường để đạt mục tiêu tăng trưởng

Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy UBND tỉnh, cấp ủy các cơ quan, đơn vị (gọi chung là các đơn vị) thuộc UBND tỉnh trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra; bám sát tình hình thực tiễn; phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với các sở, các ngành, các địa phương trong tỉnh.

Cấp ủy đảng và thủ trưởng đơn vị các sở, các ngành, các địa phương trong tỉnh có kế hoạch cụ thể, việc làm thiết thực, thường xuyên quán triệt và yêu cầu toàn thể lãnh đạo, công chức, viên chức người lao động của đơn vị thống nhất nhận thức, đổi mới tư duy, hành động cụ thể trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy tăng trưởng của ngành Nông nghiệp và Môi trường của tỉnh.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, xây dựng, triển khai cơ chế phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với các ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng để nắm bắt tình hình sản xuất, thị trường, xuất khẩu để có phương án điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan trong việc theo dõi, giám sát thị trường, xúc tiến thương mại; phối hợp với các địa phương hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện đồng bộ và hiệu quả các giải pháp phát triển ngành, chuyển đổi mạnh sang tư duy kinh tế nông nghiệp, đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, hiệu quả, bền vững, minh bạch, trách nhiệm, tích hợp đa giá trị, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn; chú trọng phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương.

2. Hoàn thiện chính sách phục vụ tăng trưởng ngành Nông nghiệp và Môi trường và xuất khẩu nông lâm thủy sản; triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nghị quyết, chiến lược, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Nông nghiệp và Môi trường của tỉnh.

Rà soát toàn diện, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, phù hợp với mô hình tổ chức các cơ quan sau sáp nhập, hợp nhất, đặc biệt là mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan hoàn thiện các cơ chế, chính sách để hỗ trợ các dự án xanh, thúc đẩy tín dụng xanh và đầu tư vào các ngành kinh tế thân thiện với môi trường.

Đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của ngành Nông nghiệp và Môi trường, hỗ trợ cho hợp tác xã, doanh nghiệp, người dân như: chính sách tín dụng (tín dụng đầu tư, tín dụng chính sách và tín dụng thương mại), thuế, bảo hiểm nông nghiệp, đất đai phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn... Có chính sách hỗ trợ bảo đảm cho người dân yên tâm sản xuất, doanh nghiệp kinh doanh trong trường hợp thị trường biến động. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi, hỗ trợ miễn giảm tiền thuê đất cho doanh nghiệp đầu tư kho bãi và hệ thống logistics để tránh đứt gãy chuỗi cung ứng nông sản, thủy sản.

Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược phát triển các tiểu ngành, lĩnh vực (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, đất đai, môi trường) và các Quy hoạch ngành quốc gia lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, các quy hoạch và các đề án, chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành.

3. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh nông lâm nghiệp và thủy sản

Tập trung cơ cấu lại các tiểu ngành, lĩnh vực (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, đất đai, môi trường) và trong từng ngành thực chất, hiệu quả, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng thông qua tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Đẩy mạnh chuyển đổi sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao hiệu quả từ nông sản có giá trị thấp sang nông sản có giá trị cao, chuyển đổi những vùng lúa năng suất thấp, một vụ sang sản xuất cây trồng hoặc vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn; chú trọng xây dựng những vùng nguyên liệu lớn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát thải thấp cho những sản phẩm chủ lực cấp quốc gia, cấp tỉnh.

Phát triển nông nghiệp sinh thái, hiệu quả, bền vững, minh bạch, trách nhiệm gắn với môi trường bền vững; thực hiện tích hợp đa giá trị theo hướng giữ vững an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn; chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Phát triển kinh tế hợp tác, hỗ trợ liên kết theo

chuỗi giá trị. Khuyến khích phát triển các hình thức hợp tác mới trong nông nghiệp.

Tổ chức lại sản xuất theo vùng chuyên canh, gắn với chỉ dẫn địa lý, truy suất nguồn gốc và xây dựng mã số vùng trồng, vùng nuôi... đáp ứng yêu cầu thị trường; thực hiện chuyển đổi hệ thống lương thực, thực phẩm theo hướng “xanh”, ít phát thải và bền vững thông qua việc thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong sản xuất nông nghiệp.

Bám sát diễn biến thời tiết, thông tin thị trường để kịp thời điều chỉnh linh hoạt kế hoạch sản xuất (thời vụ, cơ cấu và diện tích), hạn chế tối đa thiệt hại do thời tiết. Tăng cường hoạt động giám sát, cảnh báo sớm về nguy cơ đối với môi trường nuôi, trồng, dịch bệnh, cháy rừng; chủ động triển khai các biện pháp ngăn ngừa, phản ứng nhanh, kịp thời xử lý dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản và phòng chống cháy rừng.

4. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp

Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, tháo gỡ các rào cản, nút thắt cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, gắn với chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn, tài nguyên và môi trường để tạo động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng ngành Nông nghiệp và Môi trường. Trong đó, thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong cấp phép, kiểm soát mã số vùng trồng bảo đảm truy xuất nguồn gốc. Nghiên cứu đưa nông sản của tỉnh lên sàn giao dịch nông sản quốc gia để đưa nông sản của tỉnh đến thị trường quốc tế nhanh và hiệu quả hơn, đồng thời phục vụ quản lý thương hiệu gắn với chất lượng nông sản tỉnh Gia Lai.

Rà soát cắt giảm, đơn giản hoá quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và đời sống người dân lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực (nhất là môi trường, kiểm tra chuyên ngành, đất đai, khoáng sản...); bảo đảm mỗi lĩnh vực giảm ít nhất 30% thủ tục hành chính, các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính giảm ít nhất 30% thời gian xử lý, giảm ít nhất 30% chi phí chi phí tuân thủ của người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính; bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết; thực hiện các thủ tục liên quan đến doanh nghiệp trên môi trường điện tử, bảo đảm thông suốt, liền mạch, hiệu quả.

Theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và các Sở, ban, ngành địa phương thực hiện Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ngành, địa phương (DDCI).

5. Tăng cường chuyển đổi số; thực hiện đột phá trong ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động của Tỉnh ủy, UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị

quyết số 57-NQ/TW: Chương trình hành động số 104-CTr/TU ngày 18/3/2025 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 395/KH-UBND ngày 21/02/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Công nghiệp hóa nông nghiệp; nâng cao trình độ chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp, gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ cao, thông minh, tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường; chú trọng khâu chọn, tạo giống; phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ, tăng tỷ trọng chế biến sâu để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Giảm chi phí sản xuất, chi phí trung gian và giảm mạnh tổn thất sau thu hoạch trong nông nghiệp. Phát triển hệ thống chế biến gắn với vùng nguyên liệu và nhu cầu của thị trường. Xây dựng, phát triển hệ thống Logistics phục vụ nông nghiệp, nông thôn hiện đại, đặc biệt quan tâm đến các mặt hàng cần tạm trữ trong thời điểm khó khăn, vào vụ thu hoạch rộ.

Chuyển giao, nhân rộng ứng dụng các biện pháp canh tác bền vững, các giải pháp khoa học công nghệ, rải vụ hiệu quả nhằm giảm chi phí phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và các chi phí trung gian khác để nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao thu nhập cho người sản xuất.

Đẩy mạnh ứng dụng viễn thám và trí tuệ nhân tạo để quan trắc, giám sát, quản lý vùng trồng, cơ sở nuôi, đánh giá sản lượng cây trồng chủ lực, kiểm kê rừng; theo dõi giám sát và phân tích dữ liệu thời tiết, đất đai, sâu bệnh, giúp nông dân tối ưu hóa sản xuất và giảm thiểu rủi ro; hệ thống cảnh báo sớm hạn hán, cảm biến theo dõi độ ẩm đất, dinh dưỡng cây trồng, tự động hóa tưới tiêu; hệ thống tưới tiêu thông minh, tự động cung cấp nước theo nhu cầu của cây; phát hiện bệnh sớm thông qua hình ảnh vệ tinh và thiết bị bay không người lái,...

Rà soát, hệ thống hóa, đơn giản hóa các quy chuẩn, tiêu chuẩn để đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp và tiến dần hài hòa với các quy chuẩn quốc tế

Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu cơ bản của ngành Nông nghiệp và Môi trường. Cập nhật đầy đủ thông tin sản xuất, thị trường giúp công tác điều hành của UBND tỉnh và địa phương được chính xác và kịp thời.

6. Thúc đẩy phát triển thị trường trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu

- Đối với thị trường xuất khẩu: Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở cửa thị trường, tham gia cùng các Bộ, ngành trung ương đàm phán để tháo gỡ rào cản kỹ thuật, rào cản thương mại và mở cửa xuất khẩu chính ngạch thêm nhiều nông sản vào thị trường truyền thống, các thị trường có tổng kim ngạch xuất khẩu lớn (Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU, Nga, Brazil, Nhật Bản, Hàn Quốc...); mở cửa các thị trường mới, còn nhiều tiềm năng (Thị trường thực phẩm Halal của các nước Hồi giáo, Trung Đông, Châu Phi...) với phương châm đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa thị trường, góp phần từng bước giảm xuất khẩu tiểu ngạch qua biên giới phía Bắc.

Tham gia Bộ tiêu chí phân loại thị trường, xác định chỉ tiêu xuất khẩu theo tiểu ngành, lĩnh vực và thị trường, đặc biệt thị trường còn tiềm năng; Xây dựng báo cáo thị trường xuất khẩu nông sản, giải pháp ứng phó đối với những thay đổi liên quan đến thuế, xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật... tại các thị trường Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc.

Tích cực triển khai chủ động, hiệu quả các FTAs, nhất là CPTPP, EVFTA, các Hiệp định khu vực và song phương với các nước. Thực hiện nghiêm việc đáp ứng các quy định về tem nhãn, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn vùng trồng, kiểm nghiệm, kiểm dịch, quy cách đóng gói, chất lượng, chủng loại nông sản; đăng ký mã cơ sở đóng gói, mã số doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu. Chú trọng xây dựng thương hiệu nông sản chủ lực của tỉnh Gia Lai (cà phê) trên thị trường thế giới.

- Đối với thị trường trong tỉnh, trong nước: Có lộ trình, phương án giải pháp rõ ràng đẩy mạnh tiêu thụ nội địa đối với những sản phẩm có tính thời vụ cao (như rau, hoa, quả), dễ bị tác động của điều kiện tự nhiên, thời tiết, làm giảm phẩm cấp, chất lượng. Có giải pháp ổn định thị trường, kiểm soát sự biến động giá của một số mặt hàng nông sản, thức ăn chăn nuôi, vật tư nông nghiệp.

Theo dõi chặt chẽ thị trường đầu vào cho sản xuất, đặc biệt là khi giá đầu vào tăng hoặc có sự thay đổi về nguồn cung nguyên liệu. Có giải pháp đồng bộ để kiểm soát giá và nguồn cung, tránh tình trạng thiếu hụt nguyên liệu ảnh hưởng đến sản xuất và xuất khẩu.

Đa dạng hóa kênh cung cấp cho thị trường trong tỉnh, trong nước, thúc đẩy thương mại điện tử, gắn kết sản xuất với thị trường.

Tăng cường biện pháp đảm bảo an toàn thực phẩm cho cả thị trường trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu. Bảo đảm chất lượng nông sản trong cả chuỗi cung ứng từ khâu sản xuất, chế biến, thương mại đến tay người tiêu dùng trong tỉnh, trong nước và ra thị trường nước ngoài.

7. Thúc đẩy mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực hỗ trợ sản xuất nông, lâm, thủy sản

Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên (nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước) để cùng các yếu tố đầu vào khác thúc đẩy sản xuất nông sản hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tăng nhanh năng suất các nhân tố tổng hợp của Ngành; khơi thông nguồn lực nội tại của ngành Nông nghiệp và Môi trường, tạo không gian mở, động lực mới thúc đẩy sản xuất hàng hóa lớn. Các ngành hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (thủy lợi, phòng chống thiên tai, đất đai, khí tượng thủy văn, quản lý tài nguyên) xây dựng kế hoạch cụ thể để nâng cao chất lượng, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; góp phần tăng giá trị, chất lượng, giảm chi phí sản xuất nông nghiệp.

Xây dựng, cập nhật các kịch bản phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường của tỉnh; theo dõi chặt chẽ thời tiết, khí tượng thủy văn,... Hướng dẫn các địa phương công tác quản lý an toàn đập mùa mưa lũ, hồ chứa thủy lợi...

Thực hiện đột phá chiến lược trong xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đồng bộ, hiện đại và bảo vệ môi trường bền vững. Nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công của ngành Nông nghiệp và Môi trường; tháo gỡ kịp thời các vướng mắc, bảo đảm tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 của ngành Nông nghiệp và Môi trường đạt cao; đưa vào khai thác, vận hành hiệu quả các công trình lớn hoàn thành, tạo động lực cho tăng trưởng, phát triển sản xuất.

Cơ quan khuyến nông phối hợp với các viện, trường, doanh nghiệp, nông dân sản xuất giỏi để lựa chọn các giải pháp giúp tăng giá trị, giảm chi phí sản xuất và tổ chức đào tạo tập huấn nhân rộng.

8. Đẩy mạnh truyền thông phát triển nông nghiệp và bảo vệ môi trường

Đổi mới phương thức, nội dung, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, nhất là truyền thông chính sách phát triển nông nghiệp và môi trường; tạo sự đồng thuận trong toàn tỉnh, toàn ngành Nông nghiệp và Môi trường quyết tâm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tăng trưởng Ngành, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản.

Đẩy mạnh truyền thông, tuyên truyền các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, tiêu biểu; khắc phục tình trạng thông tin không chính xác ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng và các tổ chức sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các địa phương để tập huấn, tuyên truyền, hỗ trợ các địa phương thực hiện tốt phương án phân cấp, phân quyền để giải quyết tốt các yêu cầu của người dân và doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch này; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở triển khai thực hiện.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan giải quyết nhanh các thủ tục hành chính liên quan đến các dự án đầu tư nhằm tăng cường khả năng thu hút đầu tư cho lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng Nông thôn mới trong các hoạt động khoa học và công nghệ, đi vào chiều sâu, đem lại hiệu quả kinh tế cao cho sản xuất góp phần quan trọng vào xây dựng nông thôn mới và phát triển nông nghiệp, nông thôn; tham mưu UBND tỉnh xây dựng và triển khai Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới nhằm tạo động lực, góp phần vào phát triển bền vững ở khu vực nông thôn trên tất cả các mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

2. Sở Tài chính

- Tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy định về mức thu đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh khi có sự thay đổi về chính sách, mức thu phí và lệ phí liên quan đến

hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hàng năm rà soát, tham mưu ban hành danh mục các dự án khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và tổ chức các hoạt động xúc tiến, thu hút kêu gọi đầu tư các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư cho nông nghiệp và phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết về đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo và du lịch đến năm 2030.

3. Sở Công Thương

- Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn khuyến công Trung ương và địa phương hỗ trợ đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất cho doanh nghiệp, hợp tác xã để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm phục vụ nhu cầu thị trường.

- Hỗ trợ cho các doanh nghiệp xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, giao lưu với các vùng kinh tế lân cận, tranh thủ mọi thời cơ thuận lợi để mở rộng thị trường, quảng bá sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh; tiếp tục nâng cao giá trị và đưa những sản phẩm chủ lực của tỉnh vào các thị trường lớn để xuất khẩu như cao su, tinh bột sắn, chế biến hạt điều, chè, cà phê, tiêu, trái cây ... Tổ chức tốt cuộc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh để từ đó vinh danh các sản phẩm công nghiệp của tỉnh, lựa chọn sản phẩm bình chọn cấp khu vực và có chính sách hỗ trợ để các cơ sở có điều kiện mở rộng quy mô sản xuất, thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ thiết bị hiện đại, xây dựng thương hiệu, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị, địa phương hỗ trợ, đưa sản phẩm nông nghiệp, OCOP địa phương lên sàn thương mại điện tử.

- Đôn đốc các địa phương đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, khuyến khích và kêu gọi đầu tư vào các cụm công nghiệp nhằm tạo quỹ đất sạch cho các nhà đầu tư tạo tiền đề cho thu hút đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Thực hiện công tác tăng cường nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ; thu hút sự quan tâm của các ngành, địa phương, doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu khoa học, phát triển và đổi mới công nghệ; lấy doanh nghiệp làm trọng

tâm để hỗ trợ và phát triển.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ làm cơ sở và nền tảng cho việc thực hiện các nội dung tại Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 03/7/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (Khóa XV) về bảo tồn và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 11/11/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (Khóa XV) về phát triển sản xuất rau, hoa và cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030, định hướng đến năm 2040.

- Tổng hợp đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh từ các sở, ban, ngành, các địa phương, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hỗ trợ ngành nông nghiệp trong công tác lập quy hoạch vùng phát triển sản xuất nông nghiệp chủ lực của tỉnh như: Cà phê, Chanh dây, Hồ tiêu, rau, hoa, cây ăn quả, cây dược liệu,... theo tiêu chuẩn chứng nhận (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ,...) để nâng cao giá trị sản phẩm và phục vụ cho xuất khẩu.

- Đẩy mạnh công tác chuyển giao công nghệ, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ cho sản xuất trong lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi, công nghệ chế biến sâu các sản phẩm nông lâm sản trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, quy trình quản lý hiện đại; hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, bảo vệ và khai thác, phát triển tài sản trí tuệ, sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp buro chính có sàn thương mại điện tử phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị, địa phương hỗ trợ, đưa sản phẩm nông nghiệp, OCOP địa phương lên sàn thương mại điện tử của các doanh nghiệp buro chính.

5. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Chủ trì triển khai thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo kế hoạch UBND tỉnh phê duyệt; phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó tập trung ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất tại các xã, thôn, làng đặc biệt khó khăn.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Nghiên cứu xây dựng, điều chỉnh phương án, kịch bản tăng trưởng của địa phương, lựa chọn những nội dung, chủ đề, mô hình, triển khai thực hiện các giải pháp cụ thể hiệu quả; trong đó điều chỉnh nâng mức tăng trưởng của ngành Nông nghiệp và Môi trường, bảo đảm đóng góp tương xứng cho mục tiêu tăng trưởng chung 4,9% trở lên của ngành Nông nghiệp và Môi trường của tỉnh năm 2025.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương và của tỉnh đã ban hành; đồng thời nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa

phương để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Bố trí ngân sách địa phương các cấp, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

- Xây dựng các chương trình, đề án, dự án trọng điểm phát triển nông nghiệp phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của từng huyện, thị xã, thành phố; ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực và các sản phẩm đặc sản của địa phương gắn với công nghiệp chế biến nông sản và thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Triển khai các giải pháp tăng cường liên kết vùng, hướng tới phát triển các cụm liên kết sản xuất - bảo quản, chế biến - tiêu thụ nông sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ, kết nối với cơ sở chế biến nông sản và hệ thống logistic, kênh phân phối, tiêu thụ nông sản.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, cả năm, các sở, ban, ngành báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 của tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố: Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này; hàng quý, 6 tháng và cả năm gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 của tháng cuối quý để tổng hợp.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này; kịp thời báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh về các biện pháp cần thiết bảo đảm Kế hoạch được thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

b) Định kỳ tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này hàng quý, 6 tháng và cả năm gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) và UBND tỉnh trước ngày 20 của tháng cuối quý theo quy định.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NNMT.



Dương Mah Tiệp